

BẢN KÊ KHAI TÀI SẢN, THU NHẬP HÀNG NĂM
(Ngày 02 tháng 12 năm 2024⁽²⁾)

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Người kê khai tài sản, thu nhập

- Họ và tên: Trần Văn Phương Ngày tháng năm sinh: 11/09/1967
- Chức vụ/chức danh công tác: Phó hiệu trưởng
- Cơ quan/đơn vị công tác: Trường THCS Đa Phúc quận Dương Kinh TP Hải Phòng
- Nơi thường trú: Tổ dân phố Phúc Hải 1 – Phường Đa Phúc – Dương Kinh – Hải Phòng
- Số căn cước công dân hoặc giấy chứng minh nhân dân⁽³⁾: 031067014648
Ngày cấp: 11/08/2021 Nơi cấp: Cục cảnh sát quản lý hành chính TTXH

2. Vợ hoặc chồng của người kê khai tài sản, thu nhập.

- Họ và tên: Nguyễn Thị Đoan Ngày tháng năm sinh: 27/01/1974
- Nghề nghiệp: Công chức Thuế
- Nơi làm việc⁽⁴⁾: Chi cục Thuế khu vực Lê Chân – Dương Kinh
- Nơi thường trú: Tổ dân phố Phúc Hải 1 – Phường Đa Phúc – Dương Kinh – Hải Phòng
Số căn cước công dân hoặc giấy chứng minh nhân dân: 031174013452
Ngày cấp: 23/03/2021 Nơi cấp: Cục cảnh sát quản lý hành chính TTXH

3. Con chưa thành niên (con đẻ, con nuôi theo quy định của pháp luật)

3.1. Con thứ nhất:

- Họ và tên:
- Nơi thường trú:
- Số căn cước công dân hoặc giấy chứng minh nhân dân:
- Ngày cấp: Nơi cấp:

3.2. Con thứ hai (trở lên): Kê khai tương tự như con thứ nhất.

II. THÔNG TIN MÔ TẢ VỀ TÀI SẢN⁽⁵⁾

1. Quyền sử dụng thực tế đối với đất⁽⁶⁾:

1.1. Đất ở⁽⁷⁾:

1.1.1. Thừa thứ nhất:

- Địa chỉ⁽⁸⁾: Số 725 Mạc Đăng Doanh phường Đa Phúc – Dương Kinh – Hải Phòng
- Diện tích⁽⁹⁾: 150 m²
- Giá trị⁽¹⁰⁾: 3.500.000.000 VNĐ
- Giấy chứng nhận quyền sử dụng⁽¹¹⁾: Đang chờ cấp
- Thông tin khác (nếu có)⁽¹²⁾: (Không)

1.1.2. Thừa thứ 2 (trở lên): Kê khai tương tự như thừa thứ nhất. (Không có)

HĐH

HĐH

1.2. Các loại đất khác⁽¹³⁾:

1.2.1. Thừa thừa nhất: (*Không có*)

- Loại đất: Địa chỉ:
- Diện tích:
- Giá trị⁽¹⁰⁾:
- Giấy chứng nhận quyền sử dụng:
- Thông tin khác (nếu có):

1.2.2. Thừa thừa 2 (trở lên): Kê khai tương tự như thừa thừa nhất. (*Không có*)

2. Nhà ở, công trình xây dựng:

2.1. Nhà ở:

2.1.1. Nhà thừa nhất:

- Địa chỉ: Số nhà 725 Mạc Đăng Doanh phường Đa Phúc – Dương Kinh – Hải Phòng
- Loại nhà⁽¹⁴⁾: Nhà ở riêng lẻ
- Diện tích sử dụng⁽¹⁵⁾: 260 m²
- Giá trị⁽¹⁰⁾: 2.500.000.000 VNĐ
- Giấy chứng nhận quyền sở hữu: Đang chờ cấp
- Thông tin khác (nếu có): (*Không có*)

2.1.2. Nhà thừa 2 (trở lên): Kê khai tương tự như nhà thừa nhất. (*Không có*)

2.2. Công trình xây dựng khác⁽¹⁶⁾: (*Không có*)

2.2.1. Công trình thừa nhất: (*Không có*)

- Tên công trình:..... Địa chỉ:
- Loại công trình:..... Cấp công trình:
- Diện tích:
- Giá trị⁽¹⁰⁾:
- Giấy chứng nhận quyền sở hữu:
- Thông tin khác (nếu có):

2.2.2. Công trình thừa 2 (trở lên): Kê khai tương tự như công trình thừa nhất. (*Không có*)

3. Tài sản khác gắn liền với đất⁽¹⁷⁾: (*Không có*)

3.1. Cây lâu năm⁽¹⁸⁾: (*Không có*)

- Loại cây:..... Số lượng:..... Giá trị⁽¹⁰⁾:
- Loại cây:..... Số lượng:..... Giá trị⁽¹⁰⁾:

3.2. Rừng sản xuất⁽¹⁹⁾: (*Không có*)

- Loại rừng:..... Diện tích:..... Giá trị⁽¹⁰⁾:
- Loại rừng:..... Diện tích:..... Giá trị⁽¹⁰⁾:

3.3. Vật kiến trúc khác gắn liền với đất: (*Không có*)

- Tên gọi:..... Số lượng:..... Giá trị⁽¹⁰⁾:

HLH

HLH

- Tên gọi:..... Số lượng:..... Giá trị⁽¹⁰⁾:

4. Vàng, kim cương, bạch kim và các kim loại quý, đá quý khác có tổng giá trị từ 50 triệu đồng trở lên⁽²⁰⁾. (*Không có*)

5. Tiền (tiền Việt Nam, ngoại tệ) gồm tiền mặt, tiền cho vay, tiền trả trước, tiền gửi cá nhân, tổ chức trong nước, tổ chức nước ngoài tại Việt Nam mà tổng giá trị quy đổi từ 50 triệu đồng trở lên⁽²¹⁾. (*Không có*)

6. Cổ phiếu, trái phiếu, vốn góp, các loại giấy tờ có giá khác mà tổng giá trị từ 50 triệu đồng trở lên (khai theo từng loại): (*Không có*)

6.1. Cổ phiếu: (*Không có*)

- Tên cổ phiếu:..... Số lượng:..... Giá trị:

- Tên cổ phiếu:..... Số lượng:..... Giá trị:

6.2. Trái phiếu: (*Không có*)

- Tên trái phiếu:..... Số lượng:..... Giá trị:

- Tên trái phiếu:..... Số lượng:..... Giá trị:

6.3. Vốn góp⁽²²⁾: (*Không*)

- Hình thức góp vốn:..... Giá trị:.....

- Hình thức góp vốn:..... Giá trị:.....

6.4. Các loại giấy tờ có giá khác⁽²³⁾: (*Không*)

- Tên giấy tờ có giá: Giá trị:.....

- Tên giấy tờ có giá:..... Giá trị:.....

7. Tài sản khác mà mỗi tài sản có giá trị từ 50 triệu đồng trở lên, bao gồm:

7.1. Tài sản theo quy định của pháp luật phải đăng ký sử dụng và được cấp giấy đăng ký (tàu bay, tàu thủy, thuyền, máy ủi, máy xúc, ô tô, mô tô, xe gắn máy...)⁽²⁴⁾:

- Tên tài sản: Ô tô Winfat Fadil: ĐK: 15A-76003 Giá trị: 350.000.000 VNĐ

- Ô tô Honda BRV: ĐK: 15K-36902 Giá trị: 850.000.000 VNĐ

- Tên tài sản: Xe gắn máy ĐK: 15L1-05445 Giá trị: 80.000.000 VNĐ

7.2. Tài sản khác (đồ mỹ nghệ, đồ thờ cúng, bàn ghế, cây cảnh, tranh, ảnh, các loại tài sản khác)⁽²⁵⁾: (*Không có*)

- Tên tài sản:..... Năm bắt đầu sở hữu:..... Giá trị:

- Tên tài sản:..... Năm bắt đầu sở hữu:..... Giá trị:

8. Tài sản ở nước ngoài⁽²⁶⁾. (*Không có*)

9. Tài khoản ở nước ngoài⁽²⁷⁾: (*Không có*)

- Tên chủ tài khoản:, số tài khoản:

- Tên ngân hàng, chi nhánh ngân hàng, tổ chức nơi mở tài khoản:

10. Tổng thu nhập giữa hai lần kê khai⁽²⁸⁾: 571 triệu (12 tháng)

- Tổng thu nhập của người kê khai: 327 triệu

- Tổng thu nhập của vợ (hoặc chồng): 244 triệu

- Tổng thu nhập của con chưa thành niên: (*Không có*)

Hok

ĐGN

- Tổng các khoản thu nhập chung: (Không có)

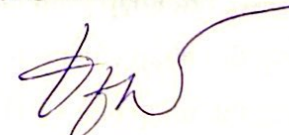
III. BIẾN ĐỘNG TÀI SẢN, THU NHẬP; GIẢI TRÌNH NGUỒN GỐC CỦA TÀI SẢN, THU NHẬP TĂNG THÊM ⁽²⁹⁾ (nếu là kê khai tài sản, thu nhập lần đầu thì không phải kê khai Mục này):

Loại tài sản, thu nhập	Tăng ⁽³⁰⁾ /giảm ⁽³¹⁾		Nội dung giải trình nguồn gốc của tài sản tăng thêm và tổng thu nhập
	Số lượng tài sản	Giá trị tài sản, thu nhập	
1. Quyền sử dụng thực tế đối với đất 1.1. Đất ở 1.2. Các loại đất khác 2. Nhà ở, công trình xây dựng 2.1. Nhà ở 2.2. Công trình xây dựng khác 3. Tài sản khác gắn liền với đất 3.1. Cây lâu năm, rừng sản xuất 3.2. Vật kiến trúc gắn liền với đất 4. Vàng, kim cương, bạch kim và các kim loại quý, đá quý khác có tổng giá trị từ 50 triệu đồng trở lên 5. Tiền (tiền Việt Nam, ngoại tệ) gồm tiền mặt, tiền cho vay, tiền trả trước, tiền gửi cá nhân, tổ chức trong nước, tổ chức nước ngoài tại Việt Nam mà tổng giá trị quy đổi từ 50 triệu đồng trở lên. 6. Cổ phiếu, trái phiếu, vốn góp, các loại giấy tờ có giá khác mà tổng giá trị từ 50 triệu đồng trở lên (khai theo từng loại): 6.1. Cổ phiếu 6.2. Trái phiếu 6.3. Vốn góp 6.4. Các loại giấy tờ có giá khác 7. Tài sản khác có giá trị từ 50 triệu đồng trở lên: 7.1. Tài sản theo quy định của pháp luật phải đăng ký sử dụng và được cấp giấy đăng ký (tàu bay, tàu thủy, thuyền, máy ủi, máy xúc, ô tô, mô tô, xe gắn máy...) 7.2. Tài sản khác (đồ mỹ nghệ, đồ thờ cúng, bàn ghế, cây cảnh, tranh ảnh, các loại tài sản khác). 8. Tài sản ở nước ngoài. 9. Tổng thu nhập giữa hai lần kê khai ⁽³²⁾ : 360 triệu		+ 571 triệu	- Của bản thân: 327 triệu + Lương: 216 triệu + Các nguồn khác: 111 triệu. - Của Vợ: 244 triệu + Lương: 151 triệu + Các phụ cấp: 93 triệu

Hung Đạo, ngày 02 tháng 12 năm 2024
NGƯỜI NHẬN BẢN KÊ KHAI
(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ/chức danh)


Đoàn Thị Hằng Hậu

Hung Đạo, ngày 02 tháng 12 năm 2024
NGƯỜI KÊ KHAI TÀI SẢN
(Ký, ghi rõ họ tên)


Trần Văn Phương